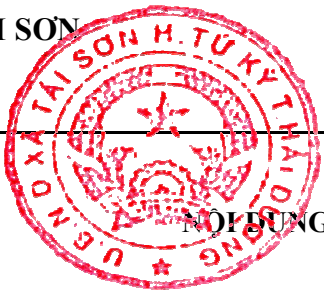


NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 4/2023	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	23,359,997,000	2,412,026,889	10.33%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	171,000,000	42,504,708	24.86%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2,425,364,776	107,134,233	4.42%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,763,632,224	2,023,300,000	9.74%
	- Thu bổ sung cân đối	4,398,000,000	878,000,000	19.96%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,365,632,224	1,145,300,000	7.00%
4	Thu chuyển nguồn		239,087,948	
II	TỔNG SỐ CHI	23,359,997,000	2,357,629,039	10.09%
1	Chi đầu tư phát triển	18,961,997,000	800,000,000	4.22%
2	Chi thường xuyên	4,398,000,000	1,521,539,870	34.60%



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

DVT: đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	23,359,997,000	23,359,997,000	2,412,026,889	2,412,026,889	10.33%	10.33%
I	Các khoản thu 100%	171,000,000	171,000,000	42,504,708	42,504,708	24.86%	24.86%
1	Thu phí, lệ phí	16,000,000	16,000,000	3,686,500	3,686,500	23.04%	23.04%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	125,000,000	125,000,000	4,395,000	4,395,000	3.52%	3.52%
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác						
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	30,000,000	30,000,000	34,423,208	34,423,208	114.74%	114.74%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2,425,364,776	2,425,364,776	107,134,233	107,134,233	4.42%	4.42%
1	Các khoản thu phân chia	75,364,776	75,364,776	21,039,985	21,039,985	27.92%	27.92%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40,964,776	40,964,776		0	0.00%	0.00%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4,400,000	4,400,000	300,000	300,000	6.82%	6.82%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30,000,000	30,000,000	20,739,985	20,739,985	69.13%	69.13%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	50,000,000	50,000,000	86,094,248	86,094,248	172.19%	172.19%
	- Thuế thu nhập cá nhân	20,000,000	20,000,000	23,542,443	23,542,443	117.71%	117.71%
	- Thuế giá trị gia tăng	30,000,000	30,000,000	62,551,805	62,551,805	208.51%	208.51%
3	Thu tiền sử dụng đất	2,300,000,000	2,300,000,000		0	0.00%	0.00%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			239,087,948	239,087,948		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,763,632,224	20,763,632,224	2,023,300,000	2,023,300,000	9.74%	9.74%
	- Thu bổ sung cân đối	4,398,000,000	4,398,000,000	878,000,000	878,000,000	19.96%	19.96%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,365,632,224	16,365,632,224	1,145,300,000	1,145,300,000	7.00%	7.00%

